

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 04 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS ngày 20/12/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L và bà Huỳnh Thị H; có vợ: Đặng Thị Thanh L, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: UBND xã P, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Rơ Châm M, Chủ tịch UBND xã P, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn L, sinh năm 1959, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Ông Rơ Mah T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Làng Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Ông Rmah K, sinh năm 1993, nơi cư trú: Làng Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. RChom P, sinh năm 1996, nơi cư trú: Làng Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông P, nơi công tác: Công an huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 2/2018, bị cáo Nguyễn Hồng T đến khu rừng thuộc lô 3, khoảng 13, tiểu khu 353 thuộc xã P, huyện G, tỉnh Gia Lai, dùng cưa máy để chặt phá rừng để làm nương rẫy trong vòng 10 ngày. Đến khoảng tháng 4/2018, bị cáo quay lại thấy cây đã không nên đã dùng lửa đốt lá và cây rồi bỏ về nhà. Đến ngày 21/5/2018, bị cáo thuê anh Rơ Mah T, Rmah K, Rchom P đi dọn cây rừng. Ngày 22/5/2018, bị cáo cùng với 03 người trên và bố là ông Nguyễn L đi đến khu vực rừng này để dọn cây cối. Bị cáo khai lý do chặt phá cây rừng là do kinh tế khó khăn, không có đất để canh tác nên khi thấy có người đã chặt phá cây rừng và có người đã trồng cây Điều xung quanh nên đã chặt phá để lấy đất trồng cây Điều.

Đến khoảng 10 giờ ngày 22/5/2018, bị Kiểm lâm địa bàn phối hợp với lực lượng Ủy ban nhân dân xã P kiểm tra, phát hiện, lập biên bản về việc phá rừng và tạm giữ 01 cưa máy và 04 con dao rựa.

Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/5/2018 tại khu vực rừng lô 3, khoảng 13, tiểu khu 353 và biểu tính khối lượng gỗ thiệt hại, biểu thống kê khối lượng gỗ thiệt hại kèm theo, xác định phân loại theo mục đích sử dụng thì khu vực rừng bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng sản xuất, diện tích rừng bị chặt phá là 14.174m², tổng số cây bị chặt hạ là 229 cây, có đường kính gốc chặt từ 15 đến 40cm, chiều cao gốc chặt từ 15 đến 180cm, chủng loại cây bị chặt hạ là Cắm, Konia, Bằng Lăng, Bình Linh, SP5, Sp6, tổng khối lượng bị thiệt hại là 21,862m³.

Qua khám nghiệm hiện trường và điều tra xác định:

- Nguyễn Hồng T thừa nhận và chỉ ranh giới chặt phá rừng để đoàn kiểm tra đo đếm với diện tích 9.939m², số lượng gốc chặt là 185 gốc, khối lượng thiệt hại 17,207m³ gỗ; 1,410 ster củi.

- Diện tích chưa xác định được đối tượng chặt phá là 4.235m², với số lượng gốc chặt là 44 gốc, khối lượng thiệt hại là 4,655m³ gỗ; 0,3 ster củi. Nguyễn Hồng T không thừa nhận do mình chặt phá mà do đối tượng khác chặt phá từ trước.

Căn cứ Kết luận số 58/KL-TS ngày 06/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận giá trị thiệt hại của 17,207m² gỗ; 1,410 ster củi là 30.079.311đ.

Về dân sự: Ủy ban nhân dân xã P chỉ yêu cầu bị cáo trồng lại cây keo trên diện tích rừng đã hủy hoại và bồi thường thiệt hại về lâm sản, hiện bị cáo đã trồng xong theo yêu cầu và đã bồi thường thiệt hại về cây rừng là 30.079.311đ.

Đối với các ông Nguyễn L, Rơ Mah T, Rmah K, Rchơm P là những người được bị cáo T nhờ, thuê đi dọn cành cây, không biết về hành vi hủy hoại rừng của bị cáo T nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với diện tích rừng 4.235m² với 44 gốc, khối lượng thiệt hại 4,655m³ gỗ và 0,3 ster củi, Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng chặt phá và chưa đến mức xử lý trách nhiệm hình sự nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bản cáo trạng số 35/CTr-VKS ngày 23 tháng 9 năm 2018 của VKSND huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về “Tội hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện G giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 10 đến 12 tháng tù; đề nghị tịch thu sung công một cửa máy, tiêu hủy 04 cây dao rựa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện G, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên tất cả đều hợp pháp và không có ý kiến, khiếu nại.

[2] Kết quả thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận bị cáo, biên bản kiểm tra việc phá rừng vào ngày vi phạm 22/5/2018, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người liên quan có tại hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Hồng T đã thực hiện hành vi phá rừng trái phép tại lô 3, khoảng 13, tiểu khu 353 thuộc xã P, huyện G, tỉnh Gia Lai, với diện tích rừng là 9.939m².

[3] Đối với diện tích 4.235m² rừng bị hủy hoại, kết quả điều tra xác định không phải do bị cáo T thực hiện. Lời khai của bị cáo thể hiện những cây rừng trong diện tích rừng này bị chặt phá từ trước, lẽ ra trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phải tiến hành đối chiếu, xác định các cây rừng trong hai phần diện tích rừng bị chặt phá có cùng thời điểm hay không để làm rõ tính khách quan trong lời khai của bị cáo, từ đó xem xét căn cứ để loại trừ trách nhiệm đối với bị cáo. Vấn đề này đã được yêu cầu điều tra bổ sung, tuy nhiên thời gian xảy ra hành vi vi phạm đã lâu, bị cáo đã phát dọn, đốt và tiến hành trồng cây keo trên phần diện tích rừng mà mình hủy hoại nên hiện trường đã bị thay đổi không thể xem xét lại. Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ vụ án là biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai nhận của bị cáo, lời khai những

người liên quan thể hiện bị cáo chỉ yêu cầu phát dọn khu vực 9.939m², nên không có căn cứ để xác định trách nhiệm của bị cáo đối với diện tích rừng bị phá 4.235m².

[4] Bị cáo Nguyễn Hồng T là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức hành vi phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng đã thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phá rừng trái phép với diện tích 9.939m² là nguy hiểm cho xã hội, phải chịu trách nhiệm hình sự về “Tội hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

[5] Rừng là tài nguyên quý báu của đất nước, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế, gắn liền với đời sống của nhân dân, thuộc sự quản lý của Nhà nước. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi hủy hoại tài nguyên rừng. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi mình thực hiện, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi, phát triển kinh tế của bản thân, cố ý thực hiện, xâm phạm đến lợi ích chung của cộng đồng, phạm tội nghiêm trọng nên cần xử lý nghiêm bằng hình phạt tù, đồng thời nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, tuân thủ các quy tắc trong cuộc sống, đồng thời răn đe, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đáp ứng công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm xâm phạm đến tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường.

[6] Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện qua việc chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện trồng lại cây rừng, chủ động bồi thường giá trị cây rừng bị thiệt hại để khắc phục hậu quả, nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Đồng thời, xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, tuy nhiên xét động cơ, mục đích phạm tội vì muốn có đất để lao động sản xuất, không hưởng lợi gì từ việc chặt phá cây rừng, đồng thời nguyên nhân phạm tội cũng có một phần từ sự quản lý chưa chặt chẽ của đơn vị được giao quản lý, bảo vệ rừng dẫn đến tại khu vực rừng này có một số đối tượng đã chặt phá rừng, thậm chí đã canh tác trên đó nhưng chưa bị xử lý một cách triệt để, có nhiều con còn nhỏ, trình độ học vấn thấp. Hội đồng xét xử thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo hình phạt tù với mức dưới thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện sớm hòa nhập, thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng đủ đảm bảo công tác giáo dục, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi của bị cáo gây thiệt hại về rừng, bao gồm giá trị về lâm sản và giá trị môi trường của rừng bị thiệt hại. Cơ quan điều tra chỉ tiến hành định giá đối với giá trị lâm sản, không tiến hành định giá đối với giá trị môi trường rừng bị thiệt hại. Tuy nhiên, nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã P là đơn vị đang quản lý đã được giải thích về các khoản thiệt hại theo quy định của pháp luật nhưng chỉ có yêu cầu bị cáo khắc phục hậu quả bằng việc trồng lại cây Keo trên diện tích rừng bị hủy hoại và

bồi thường thiệt hại về cây rừng, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả xong nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng đang thu giữ là 01 cửa máy của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và 04 con dao rựa của những người liên quan không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm “Tội hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 máy cửa hiệu STIHL, MS381 và 04 con dao rựa theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G ngày 15/10/2018.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THA dân sự huyện G;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)**

Nguyễn Văn Huy